

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 Luật
Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy
ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và
sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2904/2024/TLST-VHNGĐ
ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc yêu cầu “Yêu cầu công nhận thuận tình ly
hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Nguyễn Trọng S**, sinh năm 1994; Nơi thường trú: Tổ A, ấp H, xã
N, huyện H, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ tạm trú: Tổ E, khu phố D, phường T, thành
phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà **Đậu Thị N**, sinh năm 1991; Nơi thường trú: Tổ A, ấp H, xã N,
huyện H, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ tạm trú: Tổ E, khu phố D, phường T, thành
phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng S và bà Đậu Thị N tự
nguyện kết hôn với nhau năm 2014, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh
An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 68/KH, quyền số 01/2014, ngày 14
tháng 3 năm 2014.

Nay ông S, bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông, bà cùng
làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận việc thuận tình
ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày
02/8/2012 và cháu Nguyễn Trọng T, sinh ngày 21/09/2014. Ly hôn, hai bên thỏa
thuận giao cháu Nguyễn Thị D cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và
giáo dục, giao cháu Nguyễn Trọng T cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng
và giáo dục. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông S và bà N phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng S và bà Đậu Thị Ngọc thuận T1 ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày 02/8/2012 cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, giao cháu Nguyễn Trọng T, sinh ngày 21/9/2014 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, ông S và bà N không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Trọng S và bà Đậu Thị N không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Trọng S và bà Đậu Thị Ngọc C 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005103 ngày 13/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông S và bà N đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Biên Hòa (2);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Cơ quan quản lý đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự (1).

THẨM PHÁN

Lê Thị Nguyệt

